

Số: 3467/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) và chương trình đào tạo đặc biệt tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 3786/QĐ-ĐHNH ngày 21/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 229/TB-ĐHNH, ngày 18/03/2020 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 254 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao và CTĐT Đặc biệt.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) VÀ CTĐT ĐẶC BIỆT ĐƯỢC CÔNG
NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định: 3467/QĐ-ĐHNH, ngày 10 tháng 10 năm 2024
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050611230004	Đặng Trần Ngọc An	24/02/2005	HQ11-BAF07		6.0		
2	050812240068	Trần Thị Thúy An	20/09/2006	HQ12-INE01		5.5		
3	050608200238	Nguyễn Thị Lan Anh	16/12/2002	HQ8-GE08			68	
4	050608200020	Trương Nguyễn Lan Anh	18/11/2002	HQ8-GE20	4/6			
5	050609210068	Nguyễn Thị Xuân Anh	12/12/2003	HQ9-GE08	4/6			
6	050609210077	Lương Nguyễn Vân Anh	18/03/2003	HQ9-GE19	4/6			
7	050112240381	Lê Trúc Anh	18/12/2006	HQ12-BAF05		6.0		
8	050512240134	Nguyễn Đức Anh	14/05/2006	HQ12-ACC04		5.5		
9	050608200235	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	02/11/2002	HQ8-GE03	4/6			
10	050512240012	Võ Quang Nhật Anh	22/10/2006	HQ12-ACC05		6.0		
11	050212240039	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	18/09/2006	HQ12-MIS01		5.5		
12	050812240004	Nguyễn Thị Hoàng Anh	04/11/2006	HQ12-INE01		6.0		
13	050112240412	Trương Mai Anh	03/04/2006	HQ12-BAF01		5.5		
14	050112240389	Nguyễn Ngọc Lan Anh	28/08/2006	HQ12-BAF07		6.0		
15	050112240374	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Anh	31/12/2006	HQ12-BAF07		5.5		
16	050812240003	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	07/10/2006	HQ12-INE01		5.5		
17	050512240136	Nguyễn Thị Minh Anh	16/06/2006	HQ12-ACC05		6.0		
18	050112240384	Nguyễn Hà Anh	12/04/2006	HQ12-BAF03		5.5		
19	050112240011	Nguyễn Trâm Anh	16/02/2006	HQ12-BAF04		5.5		
20	050312240244	Phan Châu Anh	22/01/2006	HQ12-MAG07		5.5		
21	050608200231	Nguyễn Duyên Anh	25/10/2002	HQ8-GE08	4/6			
22	050607190014	Hoàng Nguyễn Minh Anh	07/01/2001	HQ7-GE10	4/6			
23	050812240006	Hà Ngọc Ánh	14/11/2006	HQ12-INE02		6.0		
24	050112240018	Võ Khánh Băng	23/11/2006	HQ12-BAF19		6.0		
25	050112240435	Trần Hồng Khánh Băng	04/12/2006	HQ12-BAF10		6.0		
26	050312240246	Hồ Lê Gia Bảo	27/04/2006	HQ12-MAG08		5.5		
27	050512240015	Trần Hưng Bảo	18/08/2006	HQ12-ACC05		7.5		
28	150401240054	Huỳnh Kim Bình	19/06/2006	HQ12-BBE02		5.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050112240439	Trịnh Hồng	Bửu	11/05/2006	HQ12-BAF03		5.5		
30	050512240016	Đặng Phạm Quỳnh	Châu	28/03/2006	HQ12-ACC06		6.0		
31	050112240445	Trần Lê Hồng	Châu	26/07/2006	HQ12-BAF06		5.5		
32	050609211857	Nguyễn Trần Mỹ	Chi	24/03/2003	HQ9-GE13	4/6			
33	050608200266	Lê Quỳnh	Chi	18/09/2002	HQ8-GE10	4/6			
34	050608200254	Mai Thị Kim	Cúc	21/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
35	030536200031	Trần Tùng	Đăng	08/04/2002	HQ8-GE10	4/6			
36	050607190109	Nguyễn Hải	Đăng	05/01/2001	HQ7-GE04	4/6			
37	050812240070	Nguyễn Trúc	Đào	06/04/2006	HQ12-INE01		5.5		
38	050608200302	Nguyễn Tiến	Đạt	01/04/2002	HQ8-GE11	4/6			
39	050112240452	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	16/11/2006	HQ12-BAF16		5.5		
40	050608200272	Ngô Nguyễn Thị Ngọc Diệp		16/05/2002	HQ8-GE09	4/6			
41	050812240069	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	11/11/2006	HQ12-INE02		5.5		
42	050112240486	Thái Thục	Đoan	27/09/2006	HQ12-BAF21		5.5		
43	050812240071	Lê Nguyễn Thục	Đoan	18/11/2006	HQ12-INE02		7.0		
44	050212240045	Phạm Duy	Đức	12/04/2006	HQ12-MIS01		5.5		
45	050606180059	Đặng Thùy	Dung	03/09/2000	HQ6-GE11			74	
46	050608200034	Lê Thị Mỹ	Dung	12/09/2002	HQ8-GE13	4/6			
47	050812240013	Võ Hoàng Ngọc	Dung	20/01/2006	HQ12-INE02		5.5		
48	050112240460	Vũ Anh	Dũng	29/12/2006	HQ12-BAF07		6.0		
49	050112240471	Lê Quang	Dương	03/12/2006	HQ12-BAF09		5.5		
50	030805170301	Nguyễn Đông	Duy	03/02/1995	HQ5-GE01	4/6			
51	150401240057	Nguyễn Hạnh	Duyên	08/06/2005	HQ12-BBE02		5.5		
52	050608200286	Lê Mỹ	Duyên	14/10/2002	HQ8-GE10	4/6			
53	050608200284	Bùi Hà Mỹ	Duyên	23/08/2002	HQ8-GE12	4/6			
54	050608200040	Nguyễn Quỳnh Hương	Giang	31/07/2002	HQ8-GE06		6.0		
55	050112240492	Lê Hà Khánh	Giang	07/12/2006	HQ12-BAF11		6.0		
56	050112240491	Lê Dương Quỳnh	Giang	25/05/2006	HQ12-BAF06		5.5		
57	050812240072	Nguyễn Yến	Giang	03/11/2006	HQ12-INE01		6.5		
58	050608200315	Lê Thị Việt	Hà	01/02/2002	HQ8-GE11	4/6			
59	050608200316	Lục Thị Ngọc	Hà	20/12/2002	HQ8-GE08	4/6			
60	050312240042	Dương Tổng Khánh	Hạ	29/12/2006	HQ12-MAG08		5.5		
61	050112240502	Nguyễn Hoàng	Hải	04/03/2006	HQ12-BAF01		6.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050609211935	Trần Huỳnh Cẩm	Hân	18/12/2003	HQ9-GE20		5.5		
63	050608200337	Lê Nguyễn Thùy	Hân	17/12/2002	HQ8-GE01	4/6			
64	050812240018	Lê Ngọc Gia	Hân	17/10/2006	HQ12-INE02		5.5		
65	030805170210	Lê Thị Thanh	Hằng	24/10/1999	HQ5-GE06	4/6			
66	050608200323	Tô Thị Mỹ	Hạnh	10/02/2002	HQ8-GE01	4/6			
67	050608200056	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	08/02/2002	HQ8-GE02	4/6			
68	050112240503	Đặng Minh	Hạnh	10/09/2006	HQ12-BAF03		6.5		
69	050112240533	Nguyễn Phú	Hậu	06/08/2006	HQ12-BAF11		5.5		
70	050608200345	Cao Thu	Hiền	28/09/2002	HQ8-GE07	4/6			
71	050608200061	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	21/10/2002	HQ8-GE19		6.5		
72	050112240536	Trần Thị Diệu	Hiền	24/08/2006	HQ12-BAF06		6.0		
73	050112240538	Vũ Thúy	Hiền	06/05/2006	HQ12-BAF10		5.5		
74	050606180108	Phạm Thế	Hiền	01/11/2000	HQ6-GE08	4/6			
75	050112240542	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	27/01/2006	HQ12-BAF07		5.5		
76	030136200197	Đinh Thị Mai	Hoa	05/07/2002	HQ8-GE06	4/6			
77	050608200356	Nguyễn Thị Thu	Hoài	26/08/2002	HQ8-GE07		6.0		
78	050512240163	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	09/01/2006	HQ12-ACC04		6.5		
79	050609210434	Nguyễn Phương	Hoàng	01/02/2003	HQ9-GE21	4/6			
80	050608200363	Huỳnh Nguyễn Phi	Hùng	08/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
81	050610220973	Phạm Thị Thanh	Hương	28/06/2004	HQ10-GE27	4/6			
82	050112240591	Trần Thị Quỳnh	Hương	28/05/2006	HQ12-BAF21		6.0		
83	050212240050	Nguyễn Trần Thùy	Hương	07/10/2006	HQ12-MIS01		5.5		
84	050312240276	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương	19/12/2006	HQ12-MAG06		5.5		
85	050609210477	Lê Nguyễn Bá	Huy	12/06/2003	HQ9-GE06	4/6			
86	150401240048	Lê Nguyễn Gia	Huy	12/05/2006	HQ12-BBE01		6.5		
87	050812240073	Nguyễn Gia	Huy	08/12/2006	HQ12-INE01		5.5		
88	050112240563	Nguyễn Quốc	Huy	10/12/2006	HQ12-BAF03		5.5		
89	050112240570	Nguyễn Nhật	Huyền	01/04/2006	HQ12-BAF08		5.5		
90	150401240012	Đoàn Trần	Huyền	28/03/2006	HQ12-BBE02		6.5		
91	050608200205	Hoàng Đình	Khả	19/01/2001	HQ8-GE14			68	
92	050312240277	Nguyễn Đỗ Tuấn	Khang	17/08/2006	HQ12-MAG02		5.5		
93	050112240597	Lê Hoàng	Khang	23/04/2006	HQ12-BAF19		5.5		
94	050112240596	Hàng Thế	Khang	08/11/2006	HQ12-BAF02		7.0		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
95	050312240278	Nguyễn Huỳnh Tấn	Khang	11/02/2006	HQ12-MAG01		5.5		
96	050112240327	Nguyễn Hồ Nguyệt	Khanh	07/09/2006	HQ12-BAF11		5.5		
97	050607190195	Dương Lê	Khanh	23/02/2001	HQ7-GE01	4/6			
98	050512240041	Đỗ Như	Khánh	29/08/2006	HQ12-ACC06		6.0		
99	050112240603	Cao Đỗ Vân	Khánh	11/09/2006	HQ12-BAF03		6.0		
100	050608200071	Đặng Tôn Ngọc	Khánh	13/06/2002	HQ8-GE12		6.5		
101	050112240611	Lê Gia	Khiêm	07/06/2006	HQ12-BAF02		7.0		
102	050112240616	Nguyễn Đình	Khoa	05/12/2006	HQ12-BAF02		6.0		
103	050112240627	Trần Cao	Kiên	16/02/2006	HQ12-BAF16		6.0		
104	050610221008	Nguyễn Trí	Kiệt	20/10/2004	HQ10-GE32		6.0		
105	050608200406	Phùng Thị Hương	Lan	30/12/2002	HQ8-GE20	4/6			
106	050608200083	Đào Thị Bích	Liên	01/03/2002	HQ8-GE15	4/6			
107	050608200423	Phạm Huyền Khánh	Linh	20/12/2002	HQ8-GE20	4/6			
108	050112240657	Nguyễn Văn	Linh	14/10/2006	HQ12-BAF15		5.5		
109	050608200418	Nguyễn Khánh	Linh	01/10/2002	HQ8-GE03		6.0		
110	050112240111	Hoàng Ngọc	Linh	11/07/2006	HQ12-BAF13		5.5		
111	050112240110	Đỗ Hoàng	Linh	23/05/2006	HQ12-BAF06		6.5		
112	150401240061	Lương Nguyễn Khánh	Linh	30/07/2006	HQ12-BBE01		5.5		
113	050812240054	Nguyễn Thùy	Linh	30/12/2006	HQ12-INE02		5.5		
114	050112240658	Phan Hồ Khánh	Linh	05/06/2006	HQ12-BAF10		5.5		
115	050607190245	Nguyễn Tấn	Lộc	17/02/2001	HQ7-GE12	4/6			
116	050608200086	Tăng Kim	Lợi	30/08/2002	HQ8-GE12	4/6			
117	030336200138	Đặng Huỳnh Thanh	Long	26/05/2002	HQ8-GE02		6.0		
118	050812240056	Lại Trung Thành	Long	26/06/2006	HQ12-INE02		6.0		
119	050312240293	Phạm Hoàng	Long	26/12/2006	HQ12-MAG07		5.5		
120	050608200089	Nguyễn Thị	Mai	20/11/2002	HQ8-GE20			72	
121	050112240685	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	07/10/2006	HQ12-BAF11		6.5		
122	050112240120	Trần Ngọc Phượng	Mai	11/10/2006	HQ12-BAF03		6.0		
123	050812240025	Trần Nguyễn Phương	Minh	04/11/2006	HQ12-INE01		5.5		
124	150401240023	Huỳnh Thảo	My	14/10/2006	HQ12-BBE02		5.5		
125	050112240708	Nguyễn Hoàng Thảo	My	23/07/2006	HQ12-BAF06		7.0		
126	050312240093	Phạm Hoàng Thiên	Nga	21/03/2006	HQ12-MAG07		5.5		
127	050812240076	Trần Bảo	Ngân	24/08/2006	HQ12-INE02		6.0		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
128	050608200468	Nguyễn Phan Bảo	Ngân	13/07/2002	HQ8-GE17	4/6			
129	050512240193	Vũ Huyền	Ngân	27/02/2006	HQ12-ACC06		5.5		
130	050611230713	Đường Kim	Ngân	06/01/2005	HQ11-ACC03		5.5		
131	050112240739	Đào Phương	Nghi	15/01/2006	HQ12-BAF04		6.0		
132	050609210917	Lê Thị Như	Ngọc	20/01/2003	HQ9-GE23	4/6			
133	030536200127	Lưu Bích	Ngọc	15/08/2002	HQ8-GE01				895+310
134	050608200486	Hoàng Bảo	Ngọc	04/09/2002	HQ8-GE01				935+350
135	050609212073	Phạm Thị Thái	Ngọc	16/09/2003	HQ9-GE12	4/6			
136	050112240764	Trần Ngô Khánh	Ngọc	14/08/2006	HQ12-BAF15		5.5		
137	050212240060	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	11/01/2006	HQ12-MIS02		5.5		
138	050512240195	Dương Hồ Khánh	Ngọc	27/09/2006	HQ12-ACC06		5.5		
139	050812240026	Lý Kim	Ngọc	02/01/2006	HQ12-INE01		6.0		
140	050609210938	Lê Võ Bình	Nguyễn	14/08/2003	HQ9-GE23	4/6			
141	050812240077	Nguyễn Đình Thanh	Nguyễn	22/02/2006	HQ12-INE02		5.5		
142	050112240778	Trần Huỳnh Đăng	Nguyễn	10/01/2006	HQ12-BAF02		5.5		
143	050112240775	Nguyễn Hữu	Nguyễn	01/11/2006	HQ12-BAF08		6.0		
144	110302200013	Lê Chí	Nguyễn	02/10/2002	HQ8-GE07			74	
145	050609212083	Nguyễn Thy	Nhã	10/08/2003	HQ9-GE16				885+350
146	050608200509	Trần Quốc	Nhân	01/04/2002	HQ8-GE11	4/6			
147	050609212103	Trần Thị Yến	Nhi	31/01/2003	HQ9-GE16		6.0		
148	050608200535	Vương Bích	Nhi	24/10/2002	HQ8-GE08	4/6			
149	050608200513	Bùi Thị Uyển	Nhi	03/10/2002	HQ8-GE18	4/6			
150	050608200529	Trần Ngọc Uyên	Nhi	30/07/2002	HQ8-GE03	4/6			
151	050608200530	Trương Bảo	Nhi	12/01/2002	HQ8-GE02		6.5		
152	050606180278	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	12/01/2000	HQ6-GE03		5.5		
153	050112240183	Đặng Thục	Nhi	08/06/2006	HQ12-BAF12		6.0		
154	050608200527	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	01/11/2002	HQ8-GE03		5.5		
155	050608200519	Ngô Hoàng Yến	Nhi	12/09/2002	HQ8-GE03	4/6			
156	050610221209	Nguyễn Quỳnh	Như	22/11/2004	HQ10-GE28	4/6			
157	050608200129	Nguyễn Quỳnh	Như	12/10/2002	HQ8-GE19	4/6			
158	050112240831	Nguyễn Quỳnh	Như	17/04/2006	HQ12-BAF16	4/6			
159	050611230936	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	18/10/2005	HQ11-MAG01	4/6			
160	050608200543	Lê Đỗ Quỳnh	Như	25/08/2002	HQ8-GE18			74	

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
161	050812240032	Nguyễn Hoàng	Oanh	28/10/2005	HQ12-INE01		6.0		
162	050608200561	Nguyễn Khoa Phương	Phi	17/10/2002	HQ8-GE03		5.5		
163	050112240854	Tạ Thiên	Phúc	12/07/2006	HQ12-BAF03		6.5		
164	050112240852	Đỗ Hoàng	Phúc	26/10/2006	HQ12-BAF07		6.5		
165	050607190395	Trần Thanh Hoàng	Phước	25/08/2001	HQ7-GE13			73	
166	050608200568	Ngô Thị Kim	Phước	10/04/2002	HQ8-GE05				785+340
167	050607190410	Vũ Thị Hạnh	Phương	01/04/2001	HQ7-GE02	4/6			
168	050312240132	Nguyễn Thanh Thùy	Phương	12/06/2006	HQ12-MAG05		5.5		
169	050112240347	Lê Hoàng Mỹ	Phương	06/03/2006	HQ12-BAF10		5.5		
170	050112240857	Bùi Ngọc	Phương	13/10/2006	HQ12-BAF14		6.0		
171	050607190415	Nguyễn Đông	Quân	01/01/2001	HQ7-GE14	4/6			
172	050512240219	Hoàng Kim	Quyên	19/04/2006	HQ12-ACC05		5.5		
173	050609212161	Hoàng Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2003	HQ9-GE05	4/6			
174	050812240035	Đinh Lê Như	Quỳnh	19/08/2006	HQ12-INE02		6.0		
175	030336200224	Đinh Thị Như	Quỳnh	09/02/2002	HQ8-GE02	4/6			
176	050112240894	Nguyễn Khả	Quỳnh	10/06/2006	HQ12-BAF02		6.5		
177	050608200594	Huỳnh Ngọc Diễm	Quỳnh	05/10/2002	HQ8-GE19	4/6			
178	050312240143	Nguyễn Vũ Vân	Quỳnh	19/01/2006	HQ12-MAG06		5.5		
179	050812240080	Phan Châu Nhật	Quỳnh	16/02/2006	HQ12-INE01		6.0		
180	050112240905	Trần Công	Sơn	23/12/2006	HQ12-BAF19		6.0		
181	050608200606	Đặng Hồng	Sơn	17/04/2002	HQ8-GE12	4/6			
182	050112240910	Đỗ Nguyễn Diệu	Tâm	15/06/2006	HQ12-BAF15		6.0		
183	050512240223	Lê Minh	Tâm	27/07/2006	HQ12-ACC06		5.5		
184	050112240918	Lương Tổ	Thái	30/07/2006	HQ12-BAF07		7.0		
185	050608200661	Đặng Anh	Thị	12/09/2002	HQ8-GE18	4/6			
186	050112240951	Hứa Hoàng	Thiện	21/11/2006	HQ12-BAF18		6.0		
187	050607190486	Huỳnh Gia	Thịnh	13/01/2001	HQ7-GE03			74	
188	050112240961	Lưu Ngọc	Thơ	18/11/2006	HQ12-BAF05		6.0		
189	050608200151	Đoàn Kim	Thoa	25/05/2002	HQ8-GE16			83	
190	050112240998	Trịnh Hoàng Anh	Thư	29/12/2006	HQ12-BAF23		5.5		
191	050608200688	Hà Anh	Thư	08/09/2002	HQ8-GE18	4/6			
192	050609211394	Nguyễn Minh	Thư	24/09/2003	HQ9-GE07		6.0		
193	050212240029	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	13/02/2006	HQ12-MIS02		6.5		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
194	050312240357	Võ Trần Thanh	Thư	11/02/2006	HQ12-MAG05		5.5		
195	050112240977	Lương Minh	Thư	20/09/2006	HQ12-BAF18		6.0		
196	050607190524	Nguyễn Thị	Thương	01/01/2000	HQ7-GE02	4/6			
197	050608200679	Phan Thị Bích	Thùy	01/03/2002	HQ8-GE15		6.0		
198	050312240350	Nguyễn Xuân	Thùy	24/09/2006	HQ12-MAG07		6.0		
199	050812240081	Trần Thanh	Thùy	26/02/2006	HQ12-INE01		6.0		
200	050608200681	Đỗ Hoàng Thu	Thủy	04/03/2002	HQ8-GE04		6.0		
201	050608200709	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	07/11/2002	HQ8-GE10	4/6			
202	050512240242	Đỗ Minh	Thy	16/06/2006	HQ12-ACC05		5.5		
203	110302200030	Đinh Thùy Thủy	Tiên	08/05/2002	HQ8-GE06			77	
204	050608200164	Võ Ngọc Mỹ	Tiên	12/09/2002	HQ8-GE18	4/6			
205	050611231282	Nguyễn Bùi Thủy	Tiên	26/06/2001	HQ11-BAF20	4/6			
206	050112240248	Lê Ngọc Thủy	Tiên	31/03/2006	HQ12-BAF23		5.5		
207	050112241013	Nguyễn Thủy	Tiên	13/10/2006	HQ12-BAF14		6.0		
208	050609212256	Huỳnh Hồ	Tiến	07/08/2003	HQ9-GE17		7.5		
209	050112240352	Trương Nhật	Tiến	15/07/2006	HQ12-BAF15		5.5		
210	050608200168	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	21/10/2002	HQ8-GE19	4/6			
211	050609211518	Phan Gia Bảo	Trâm	30/01/2003	HQ9-GE27	4/6			
212	050312240364	Huỳnh Ngọc Phương	Trâm	29/11/2006	HQ12-MAG08		5.5		
213	050312240363	Đoàn Ngọc Bảo	Trâm	27/07/2006	HQ12-MAG02		5.5		
214	050608200733	Trần Phạm Yến	Trâm	09/10/2002	HQ8-GE19	4/6			
215	050611231363	Nguyễn Vũ Huyền	Trân	06/03/2005	HQ11-MAG04		5.5		
216	050112241069	Trần Minh	Trân	01/01/2006	HQ12-BAF08		5.5		
217	050512240251	Ngô Lê Quỳnh	Trân	03/12/2006	HQ12-ACC03		5.5		
218	050112241067	Phạm Bảo	Trân	15/12/2006	HQ12-BAF16		6.0		
219	050607190555	Nguyễn Thị Thảo	Trang	04/04/2001	HQ7-GE14	4/6			
220	050812240082	Nguyễn Võ Quỳnh	Trang	26/01/2006	HQ12-INE02		5.5		
221	050607190590	Đàm Thị Thanh	Trúc	18/10/2001	HQ7-GE06	4/6			
222	050112241081	Dương Thủy	Trúc	04/05/2006	HQ12-BAF09		5.5		
223	050112241080	Dương Thanh	Trúc	04/05/2006	HQ12-BAF09		5.5		
224	050812240042	Trịnh Thị Lệ	Trúc	02/07/2006	HQ12-INE01		6.0		
225	050607190595	Nguyễn Quốc	Trung	20/12/2001	HQ7-GE12	4/6			
226	050312240209	Nguyễn Trần Anh	Tú	19/07/2006	HQ12-MAG06		6.0		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
227	050608200626	Lê Đoàn Tuấn	Tú	14/11/2002	HQ8-GE20	4/6			
228	050609212302	Huỳnh Ngọc Minh	Tú	26/08/2003	HQ9-GE27		6.0		
229	050312240211	Nguyễn Thế	Tuấn	24/09/2006	HQ12-MAG07		5.5		
230	030336200242	Nguyễn Thái	Tuấn	14/08/2002	HQ8-GE18	4/6			
231	050212240032	Nguyễn Xuân Cát	Tường	20/05/2005	HQ12-MIS02		6.0		
232	050608200634	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	11/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
233	110302200034	Võ Thị Như	Tuyền	13/11/2002	HQ8-GE06			74	
234	050608200187	Phạm Ánh	Tuyết	26/03/2002	HQ8-GE16	4/6			
235	050608200189	Lê Minh Khánh	Uyên	01/01/2002	HQ8-GE04		5.5		
236	050608200752	Đinh Trần Cẩm	Uyên	10/08/2002	HQ8-GE06	4/6			
237	050608200757	Trần Phương	Uyên	28/02/2002	HQ8-GE02		5.5		
238	150401240043	Trần Ngọc Phương	Uyên	16/11/2006	HQ12-BBE01		5.5		
239	050112241114	Trần Ngọc Phương	Uyên	22/02/2006	HQ12-BAF05		5.5		
240	050611231532	Trần Thị Bích	Vân	16/08/2005	HQ11-BAF19		5.5		
241	050112241119	Trần Tuệ	Vân	11/04/2006	HQ12-BAF13		6.0		
242	050312240381	Nguyễn Hoàng Lan	Vi	15/12/2006	HQ12-MAG02		5.5		
243	050812240043	Lê Thảo	Vi	30/01/2006	HQ12-INE02		6.0		
244	050812240044	Nguyễn Huy	Vũ	11/10/2006	HQ12-INE02		6.0		
245	050610221541	Hồ Viết	Vũ	21/09/2004	HQ10-GE23	4/6			
246	050812240045	Trần Hạ Trúc	Vy	14/03/2006	HQ12-INE02		5.5		
247	050112241143	Lưu Trang	Vy	11/01/2006	HQ12-BAF13		5.5		
248	050112241141	Lê Phạm Thảo	Vy	03/07/2006	HQ12-BAF09		5.5		
249	050112241156	Phan Nguyễn Tường	Vy	16/12/2006	HQ12-BAF16		6.0		
250	050610220741	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	04/08/2004	HQ10-GE14		7.0		
251	050608200789	Trần Phương	Vy	10/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
252	050312240385	Đặng Huỳnh Như	Ý	20/10/2005	HQ12-MAG07		5.5		
253	050112241166	Hồ Mai Như	Ý	02/03/2006	HQ12-BAF08		6.0		
254	050609211799	Châu Kiều Hải	Yến	17/10/2003	HQ9-GE03		7.5		

Tổng số: 254 sinh viên